

Số: 09/2024/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất một số vị trí, khu đất tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp xác định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất một số vị trí, khu đất tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất một số vị trí, khu đất tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, theo Phụ lục kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Quang Tuyên

PHỤ LỤC

Sửa đổi hệ số điều chỉnh giá đất một số vị trí, khu đất tại Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Kèm theo Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tên đơn vị hành chính/vị trí/tuyến đường (theo Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024))	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024	
		Theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	Hệ số điều chỉnh giá đất sau sửa đổi
A	THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
I	VI. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	Phường Đức Xuân		
	VI. Các trục đường phụ		
1	3.1. Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến ngã ba đường rẽ Đồi Xoan)	1,8	2,21
2	3.2. Từ ngã ba đường rẽ Đồi Xoan đến đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy	1,8	2,33
3	23. Đường từ Tổ 11B, Phường Đức Xuân đi Tổ 11, Phường Phùng Chí Kiên (đoạn nối từ đường Bản Áng đến hết địa phận Phường Đức Xuân)	1,5	1,70
	Phường Phùng Chí Kiên		
	X. Các trục đường phụ		
4	16. Đường từ Tổ 11B, Phường Đức Xuân đi Tổ 11, Phường Phùng Chí Kiên (đoạn từ cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên)	1,5	1,70
	Phường Sông Cầu		
	VIII. Các trục đường phụ		
5	22. Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (cách lộ giới Đường Nông Quốc Chấn là 20m đến hết địa phận phường Sông Cầu)	1	1,60
II	IX. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	Xã Dương Quang		
	17. Tuyến đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể		

STT	Tên đơn vị hành chính/vị trí/tuyến đường (theo Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024))	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024	
		Theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	Hệ số điều chỉnh giá đất sau sửa đổi
	17.1. Từ giáp đất phường Sông Cầu đến cầu Quan Nưa	1	
1	17.1.1. Từ giáp đất phường Sông Cầu đến hết đất nhà ông Trịnh Đình Đế	1	1,51
2	17.1.2. Từ hết đất nhà ông Trịnh Đình Đế đến cầu Quan Nưa	1	1,30
3	17.2. Từ cầu Quan Nưa đến hết địa phận xã Dương Quang	1	1,35
B	HUYỆN CHỢ MỚI		
I	VI. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	II. Đường phố loại 2 (loại II)		
1	11. Từ lộ giới QL3 là 20m (từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường đầu cầu Yên Đĩnh	3,5	5,53
	III. Các vị trí khác		
2	3. Đường vào trạm y tế thị trấn (trạm y tế cũ)	1,7	6,67
3	10. Đường liên xã thị trấn Đồng Tâm đi Quảng Chu	1,5	5,04
	11. Các vị trí khác chưa nêu ở trên		
4	- Áp dụng cho đoạn đường liên thôn Tổng Cổ - Nậm Bó (nay là Tổ 4, thị trấn Đồng Tâm)	1,5	3,04
5	- Áp dụng cho đoạn đường nội thôn Nậm Bó (nay là Tổ 4, thị trấn Đồng Tâm) và đường trục thôn Nà Hin (nay là Tổ 3, thị trấn Đồng Tâm)	1,5	2,04
II	IX. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	1. Trục đường QL3 (xã Thanh Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hòa Mục)		
	1.1. Xã Thanh Thịnh		
1	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tám	1,4	4,63
2	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở các dãy còn lại)	1,4	4,19

STT	Tên đơn vị hành chính/vị trí/tuyến đường (theo Bảng giá đất 05 năm (2020 - 2024))	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024	
		Theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	Hệ số điều chỉnh giá đất sau sửa đổi
C	HUYỆN CHỢ ĐỒN		
	VI. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
1	8. Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	1,5	2,32
D	HUYỆN NA RÌ		
I	VI. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ		
	I. Trục đường từ xã Cường Lợi đi xã Sơn Thành		
1	1. Từ đất nhà ông Triệu Văn Hoan đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc (tuyến chính)	1,5	3,13
II	IX. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN		
	B. Các trung tâm cụm xã		
	III. Trung tâm xã Xuân Dương		
1	1. Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	1	1,52
	C. Các trục đường liên xã		
	2. Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã		
	2.6. Xã Kim Hỷ		
2	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	1	1,40
	2.7. Xã Côn Minh		
3	Từ cầu Khuổi Mảng đến đến công bi (ao ông Đạo)	1	3,56
	D. Các vị trí chưa nêu ở trên		
4	Đất Trạm Kiểm lâm Thẩm Mu	1	1,42